

04/2022/TB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lê Bảo Minh. Trân trọng thông báo đến toàn thể Quý Cổ đông về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 như sau:

- 1. Thời gian:** 8h30 ngày 06 tháng 05 năm 2022
- 2. Địa điểm:** 184, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3. Thành phần tham dự:** Tất cả Cổ đông của Công ty cổ phần Lê Bảo Minh và người Đại diện được cổ đông ủy quyền họp lệ theo quy định của pháp luật, tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông: 17h ngày 15 tháng 03 năm 2022
- 4. Tài liệu của cuộc họp:** Tài liệu có trên trang web: <http://lebaominh.vn> của công ty.
- 5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự đại hội:**
Đề chương trình Đại hội diễn ra tốt đẹp, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội theo mẫu Giấy đăng ký dự họp. Trong trường hợp, Quý Cổ đông không trực tiếp tới dự họp có thể ủy quyền cho người Đại diện theo mẫu Giấy ủy quyền của Công ty
- 6. Hình thức đăng ký:**

- Thư: Xin gửi về địa chỉ: Phòng Hành chính Công ty CP Lê Bảo Minh - 184 Nam kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 3836 6666 Fax: 028 3837 6666
- Email: info@lebaominh.com.vn
- Thời hạn đăng ký: Trước 17h ngày 29 tháng 04 năm 2022

Các Cổ đông hoặc người Đại diện được ủy quyền đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo CMND hoặc hộ chiếu và bản gốc giấy ủy quyền để đăng ký tư cách cổ đông tham dự (trường hợp người tham dự được ủy quyền bởi Cổ đông).

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Các cổ đông;
- Các TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Ngọc Hải

DANH SÁCH NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN ĐẾN HẾT NGÀY 14/03/2022

STT	Họ và Tên	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	CD nội bộ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	Lê Thị Ngọc Hải	LB1	22.105.000	44,210%	HDQT	
2	Trần Thị Lan Bình	LB1	101.000	0,202%		
3	Phan Quang Phú	LB1	2.531.000	5,062%	HDQT	
4	Nguyễn Quốc Hoàng	LB1	200.000	0,400%		
5	Trần Thanh Vân	LB1	7.100	0,014%		
6	Nguyễn Thủy Mai	LB1	2.271.000	4,542%		
7	Lê Thị Thanh Hiệp	LB1	2.251.000	4,502%		
8	Trần Thị Thanh	LB1	2.251.000	4,502%		
9	Phạm Khắc Đề	LB1	2.251.000	4,502%		
10	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	LB1	2.251.000	4,502%	KTT	
11	Bùi Thị Hương Trang	LB1	2.251.000	4,502%		
12	Nguyễn Thị Thúy	LB1	2.251.000	4,502%		
13	Trần Thị Thu Trang	LB1	2.251.000	4,502%		
14	Phạm Thị Huyền	LB1	2.260.500	4,521%		
15	Trần Văn Ngon	LB1	1.000	0,002%		
16	Vương An Bảo Linh	LB1	1.000	0,002%		
17	Đào Quang Tới	LB1	1.000	0,002%		
18	Từ Văn Đức	LB1	1.000	0,002%		
19	Phan Thanh Phương	LB1	1.000	0,002%		
20	Trần Bảo Ngọc	LB1	1.000	0,002%		
21	Trần Bá Lộc	LB1	1.000	0,002%		
22	Lê Sĩ Nguyên	LB1	1.000	0,002%		
23	Trần Khánh	LB1	1.000	0,002%		
24	Mai Thanh Tuấn	LB1	1.000	0,002%		
25	Nguyễn Quang Sỹ	LB1	500	0,001%		
26	Nguyễn Thị Mộng Tháo	LB1	500	0,001%		
27	Trần Thị Thanh Liên	LB1	500	0,001%		
28	Bùi Thị Mỹ Linh	LB1	500	0,001%		
29	Vòng Quốc Chủ	LB1	500	0,001%		
30	Lê Ngọc Hương	LB1	500	0,001%		
31	Đoàn Thùy Trang	LB1	500	0,001%		
32	Lương Ngọc Linh	LB1	500	0,001%		
33	Đặng Đình Hồng Phương	LB1	500	0,001%		
34	Nguyễn Thị Minh Thùy	LB1	500	0,001%		
35	Phạm Hoàng Đức	LB1	500	0,001%		
36	Nguyễn Hữu Trung	LB1	500	0,001%		
37	Lê Thị Ngọc Tháo	LB1	500	0,001%		
38	Phạm Văn Tuấn	LB1	500	0,001%		
39	Lý Bảo Hùng	LB1	500	0,001%		
40	Hồ Thị Ly	LB1	500	0,001%		
41	Nguyễn Quốc Hùng	LB1	500	0,001%		
42	Trần Hoàng Đăng	LB1	500	0,001%		
43	Phạm Quang Chiên	LB1	500	0,001%		
44	Nguyễn Thị Mỹ Khánh	LB1	500	0,001%		
45	Nguyễn Quang Hân	LB1	500	0,001%		
46	Nguyễn Minh Nhut	LB1	500	0,001%		
47	Bùi Quốc Tuấn	LB1	500	0,001%		
48	Nguyễn Tấn Phát	LB1	200	0,000%		
49	Nguyễn Thị Hương Nguyên	LB1	200	0,000%	BKS	
50	Lê Minh Tú	LB1	200	0,000%		
51	Hoàng Trọng Điệp	LB1	200	0,000%		
52	Nguyễn Đoàn Hoàng Huy	LB1	200	0,000%		
53	Đỗ Thị Hào	LB1	200	0,000%		
54	Trần Thị Phương Dung	LB1	200	0,000%		
55	Trần Hà Chi	LB1	200	0,000%		
56	Ngô Ánh Tâm	LB1	200	0,000%		
57	Lê Thị Hồng Vân	LB1	200	0,000%		
58	Nguyễn Văn Chiên	LB1	200	0,000%		
59	Lưu Thị Thùy	LB1	200	0,000%		
60	Nguyễn Văn Tứ	LB1	200	0,000%		
61	Hoàng Thị Hồng Thắm	LB1	200	0,000%		
62	Huỳnh Bảo Ân	LB1	200	0,000%		
63	Lê Hoàng Sang	LB1	200	0,000%		
64	Nguyễn Ngọc Chương	LB1	200	0,000%		
65	Lê Thúy Hiền	LB1	200	0,000%		



66	Phan Thị Sác	LB1	200	0,000%		
67	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	LB1	200	0,000%		
68	Trần Hoàng Nam	LB1	200	0,000%		
69	Nguyễn Văn Đa	LB1	200	0,000%		
70	Đặng Thế Luynh	LB1	200	0,000%		
71	Huỳnh Thị Ngọc Diễm	LB1	200	0,000%		
72	Mai Ngọc Linh	LB1	200	0,000%		
73	Nguyễn Thị Lan Hương	LB1	200	0,000%		
74	Nguyễn Thị Thanh Xuân	LB1	200	0,000%		
75	Võ Thanh Vũ	LB1	200	0,000%		
76	Huỳnh Thị Tú Linh	LB1	200	0,000%		
77	Hồ Thị Diễm Thương	LB1	200	0,000%		
78	Phạm Thị Kim Vương	LB1	200	0,000%		
79	Nguyễn Tuấn Nghĩa	LB1	200	0,000%		
80	Trần Hùng	LB1	1.000	0,002%		
81	Võ Thị Quỳnh Anh	LB1	1.000	0,002%		
82	Nguyễn Đức Trung	LB1	1.000	0,002%		
83	Nguyễn Thị Minh Ánh	LB1	1.000	0,002%		
84	Nguyễn Thị Xuân Thắm	LB1	1.000	0,002%		
85	Nguyễn Thị Tường Diễm	LB1	1.000	0,002%		
86	Võ Tấn Hiếu	LB1	1.000	0,002%		
87	Dương Quang Huy	LB1	1.000	0,002%		
88	Ngô Năm	LB1	1.000	0,002%		
89	Huỳnh Tấn Thiện	LB1	1.000	0,002%		
90	Nguyễn Đình Tân	LB1	500	0,001%		
91	Hoàng Kim Thái	LB1	500	0,001%		
92	Lê Thị Minh Thư	LB1	500	0,001%		
93	Nguyễn Đỗ Minh Luân	LB1	500	0,001%		
94	Lê Văn Tho	LB1	500	0,001%		
95	Nguyễn Thị Bích Trâm	LB1	500	0,001%		
96	Nguyễn Mạnh Việt	LB1	500	0,001%		
97	Nguyễn Ngọc Kim Anh	LB1	500	0,001%		
98	Nguyễn Thành Hưng	LB1	500	0,001%		
99	Thái Lương Thiện	LB1	500	0,001%		
100	Vương Thị Hiền	LB1	500	0,001%		
101	Lê Phúc An	LB1	500	0,001%		
102	Nguyễn Xuân Trường	LB1	200	0,000%		
103	Trần Đình Nhật	LB1	200	0,000%		
104	Lê Minh Đức	LB1	200	0,000%		
105	Lê Quang Phú	LB1	200	0,000%		
106	Nguyễn Thị Ngọc Anh	LB1	200	0,000%		
107	Trịnh Phi Hoàng	LB1	200	0,000%		
108	Nguyễn Thị Phương Vy	LB1	200	0,000%		
109	Lê Cao Mỹ Linh	LB1	200	0,000%		
110	Võ Thị Ngọc Thương	LB1	200	0,000%		
111	Nguyễn Việt Hoàng	LB1	200	0,000%		
112	Nguyễn Thị Kim Phương	LB1	200	0,000%		
113	Bùi Trần Quốc Tuấn	LB1	200	0,000%		
114	Bùi Đức Thịnh	LB1	200	0,000%		
115	Đỗ Hồ Vi	LB1	200	0,000%		
116	Trần Dương Hồng Phúc	LB1	200	0,000%		
117	Phạm Thị Thanh Xuân	LB1	500	0,001%		
118	Nguyễn Văn Bình	LB1	2.000	0,004%		
119	Phan Văn Đức	LB1	1.000	0,002%		
120	Võ Khắc Điệp	LB1	1.000	0,002%		
121	Lê Hữu Na	LB1	1.000	0,002%		
122	Nguyễn Hoàng Tiến	LB1	1.000	0,002%		
123	Phạm Mạnh Thắng	LB1	1.000	0,002%		
124	Nguyễn Quát	LB1	1.000	0,002%		
125	Phạm Văn Tiến Dũng	LB1	500	0,001%		
126	Lê Đình Nho	LB1	500	0,001%		
127	Bùi Long Thành	LB1	500	0,001%		
128	Phạm Văn Vàng	LB1	500	0,001%		
129	Trần Thanh Tiên	LB1	500	0,001%		
130	Nguyễn Anh Quốc	LB1	500	0,001%		
131	Bùi Văn Phán	LB1	500	0,001%		
132	Nguyễn Thành Tâm	LB1	500	0,001%		
133	Nguyễn Đình Bình	LB1	500	0,001%		
134	Nguyễn Trọng Hậu	LB1	200	0,000%		
135	Phạm Tấn Lực	LB1	200	0,000%		
136	Trịnh Văn Nhật	LB1	200	0,000%		

137	Phan Văn Hậu	LB1	1.000	0,002%		
138	Lê Tùng Anh	LB1	1.000	0,002%		
139	Lê Văn Thế	LB1	6.000	0,012%		
140	Nguyễn Thành Phong	LB1	1.000	0,002%		
141	Đặng Tuấn Cường	LB1	1.000	0,002%		
142	Phan Đức Thuận	LB1	1.000	0,002%		
143	Lê Duy Tuyên	LB1	1.000	0,002%		
144	Phan Văn Thao	LB1	1.000	0,002%		
145	Nguyễn Anh Tú	LB1	1.000	0,002%		
146	Lê Quốc Hợp	LB1	1.000	0,002%		
147	Nguyễn Quang Tùng	LB1	1.000	0,002%		
148	Nguyễn Tin	LB1	1.000	0,002%		
149	Hoàng Văn Hùng	LB1	1.000	0,002%		
150	Vũ Hồng Sơn	LB1	1.000	0,002%		
151	Trương Thị Thanh Hà	LB1	1.000	0,002%		
152	Trần Văn Lưu	LB1	1.000	0,002%		
153	Nguyễn Hồng Cường	LB1	1.000	0,002%		
154	Trần Tiến Cảnh	LB1	1.000	0,002%		
155	Nguyễn Thị Xuân Đoan	LB1	1.000	0,002%		
156	Bùi Thị Thoa	LB1	1.000	0,002%		
157	Đặng Thị Hà	LB1	1.000	0,002%		
158	Nguyễn Bảo Ngọc	LB1	1.000	0,002%		
159	Nguyễn Văn Cường	LB1	1.000	0,002%		
160	Đặng Xuân Trường	LB1	1.000	0,002%		
161	Tăng Thiên Sao	LB1	1.000	0,002%		
162	Nguyễn Thị Nhung	LB1	500	0,001%		
163	Nguyễn Thị Ái Văn	LB1	500	0,001%		
164	Nguyễn Quang Vinh	LB1	500	0,001%		
165	Phạm Văn Anh	LB1	500	0,001%		
166	Mai Tuấn Hiếu	LB1	500	0,001%		
167	Trần Thị Hòa	LB1	500	0,001%		
168	Nguyễn Thị Thanh Mừng	LB1	500	0,001%		
169	Lã Hoài Thương	LB1	500	0,001%		
170	Hồng Ngọc Sơn	LB1	500	0,001%		
171	Phạm Duy Bắc	LB1	500	0,001%		
172	Vũ Quốc Toàn	LB1	500	0,001%		
173	Nguyễn Quang Hải	LB1	500	0,001%		
174	Trần Thị Thuý Ngân	LB1	500	0,001%		
175	Đào Thế Vượng	LB1	500	0,001%		
176	Vũ Ngọc Bảo	LB1	500	0,001%		
177	Đỗ Thị Nga	LB1	500	0,001%		
178	Nguyễn Minh Toàn	LB1	500	0,001%		
179	Nguyễn Gia Thuận	LB1	500	0,001%		
180	Lê Đăng Thu Hà	LB1	500	0,001%		
181	Phạm Thanh Bình	LB1	500	0,001%		
182	Vũ Mậu Thu	LB1	500	0,001%		
183	Nguyễn Thị Thanh Minh	LB1	500	0,001%		
184	Nguyễn Minh Khuyến	LB1	500	0,001%		
185	Trần Hồng Quân	LB1	500	0,001%		
186	Mai Việt Hùng	LB1	500	0,001%		
187	Lê Hải Sơn	LB1	500	0,001%		
188	Nguyễn Thị Trang	LB1	500	0,001%		
189	Nguyễn Văn Trường	LB1	500	0,001%		
190	Phạm Ngọc Linh	LB1	500	0,001%		
191	Dương Thị Hạnh Dung	LB1	500	0,001%		
192	Nguyễn Phúc Nam	LB1	500	0,001%		
193	Lai Văn Thịnh	LB1	500	0,001%		
194	Trần Anh Tuấn	LB1	200	0,000%		
195	Phan Quốc Việt	LB1	200	0,000%		
196	Đàm Thị Diệp	LB1	200	0,000%		
197	Phùng Tuấn Dương	LB1	200	0,000%		
198	Lê Ngọc Ánh	LB1	200	0,000%		
199	Ninh Văn Hùng	LB1	200	0,000%		
200	Bùi Văn Tuyên	LB1	200	0,000%		
201	Phan Tiến Minh	LB1	200	0,000%		
202	Phan Thị Cẩm Nhung	LB1	200	0,000%		
203	Nguyễn Thị Anh Hà	LB1	200	0,000%		
204	Nguyễn Anh Hoàng	LB1	200	0,000%		
205	Nguyễn Văn Thanh	LB1	200	0,000%		
206	Võ Tấn Hưng	LB1	200	0,000%		
207	Nguyễn Văn Kỳ	LB1	200	0,000%		

329628
CÔNG TY
S. PHẦN
BẢO MẬT

208	Nguyễn Văn Cường	LB1	200	0,000%		
209	Nguyễn Hồng Nhứt	LB1	200	0,000%		
210	Phạm Ngọc Tiêm	LB1	200	0,000%		
211	Nguyễn Văn Cường	LB1	200	0,000%		
212	Trần Văn Thế	LB1	200	0,000%		
213	Trình Văn Luân	LB1	200	0,000%		
214	Lê Thanh Huy	LB1	200	0,000%		
215	Huỳnh Quốc Hải	LB1	200	0,000%		
216	Trương Phước Hiếu	LB1	200	0,000%		
217	Bùi Đình Long	LB1	200	0,000%		
218	Lê Hữu Biên	LB1	200	0,000%		
219	Phan Thanh Ngọc Bích	LB1	200	0,000%		
220	Diệp Thanh Thảo Nguyên	LB1	200	0,000%		
221	Trần Thị Ngọc	LB1	200	0,000%		
222	Đỗ Tuấn Long	LB1	200	0,000%		
223	Nguyễn Mạnh Hưng	LB1	200	0,000%		
224	Phạm Thị Xím	LB1	200	0,000%		
225	Nguyễn Thanh Tùng	LB1	200	0,000%		
226	Bùi Văn Trung	LB1	200	0,000%		
227	Nguyễn Kim Long	LB1	200	0,000%		
228	Nguyễn Hữu Khải	LB1	2.000	0,004%		
229	Nguyễn Bá Thịnh	LB1	1.000	0,002%		
230	Huỳnh Thị Thu Thủy	LB1	1.000	0,002%		
231	Nguyễn Hoàng Long	LB1	1.000	0,002%		
232	Nguyễn Thị Thủy Oanh	LB1	1.000	0,002%		
233	Nguyễn Ngọc Thắng	LB1	1.000	0,002%		
234	Nguyễn Văn Phúc	LB1	1.000	0,002%		
235	Nguyễn Xuân Thiệp	LB1	1.000	0,002%		
236	Nguyễn Trung Kiên	LB1	1.000	0,002%		
237	Hồ Quốc Thanh	LB1	1.000	0,002%		
238	Phan Trường Giang	LB1	1.000	0,002%		
239	Lê Trọng Đức	LB1	1.000	0,002%		
240	Nguyễn Phạm Đức Quý	LB1	1.000	0,002%		
241	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	LB1	1.000	0,002%		
242	Nguyễn Đức Minh	LB1	1.000	0,002%		
243	Phan Quang Toàn	LB1	1.000	0,002%		
244	Ngô Văn Tường	LB1	1.000	0,002%		
245	Nguyễn Cường	LB1	500	0,001%		
246	Lý Thanh Phong	LB1	500	0,001%		
247	Chung Diễm Châu	LB1	500	0,001%		
248	Lý Tri Huệ	LB1	500	0,001%		
249	Phạm Minh Thế	LB1	500	0,001%		
250	Phạm Hoài Thương	LB1	500	0,001%		
251	Lưu Tấn Đạt	LB1	500	0,001%		
252	Trần Thị Lan	LB1	500	0,001%		
253	Nguyễn Duy Tiến	LB1	500	0,001%		
254	Lê Thanh Tuấn	LB1	500	0,001%		
255	Nguyễn Thị Trà Hương	LB1	500	0,001%		
256	Bùi Văn Đức	LB1	500	0,001%		
257	Lê Tôn Phúc	LB1	500	0,001%		
258	Nguyễn Ngọc Lăng	LB1	500	0,001%		
259	Nguy Minh Luân	LB1	500	0,001%		
260	Võ Minh Thuận	LB1	500	0,001%		
261	Phạm Văn Đồng	LB1	500	0,001%		
262	Liêu Chí Vĩ	LB1	500	0,001%		
263	Nguyễn Tuấn Lộc	LB1	500	0,001%		
264	Lê Tín Thành	LB1	500	0,001%		
265	Ki Chi Khup	LB1	200	0,000%		
266	Nguyễn Duy Tráng	LB1	200	0,000%		
267	Lê Hùng Lâm	LB1	200	0,000%		
268	Trần Thiên Ấn	LB1	200	0,000%		
269	Hoàng Thị Thu Thảo	LB1	200	0,000%		
270	Nguyễn Đắc Quang	LB1	200	0,000%		
271	Phạm Đức Lợi	LB1	200	0,000%		
272	Vũ Thanh Hải	LB1	200	0,000%		
273	Cao Tú An	LB1	200	0,000%		
274	Vũ Nguyễn Đoàn Trình	LB1	200	0,000%		
275	Võ Minh Trung	LB1	200	0,000%		
276	Nguyễn Ngọc Sơn	LB1	200	0,000%		
277	Nguyễn Tam Tuấn Phát	LB1	200	0,000%		
278	Đặng Minh Tuấn	LB1	200	0,000%		

279	Nguyễn Văn Phúc	LB1	200	0,000%		
280	Chu Đức Gia Huân	LB1	200	0,000%		
281	Trương Văn Ty	LB1	500	0,001%		
282	Trương Chí Văn	LB1	1.000	0,002%		
283	Ninh Đức Hoàn	LB1	1.000	0,002%		
284	Đặng Tuấn Hưng	LB1	1.000	0,002%		
285	Trần Đình Lý	LB1	1.000	0,002%		
286	Trương Trần Pháp	LB1	1.000	0,002%		
287	Lý Liễu Gia Trang	LB1	1.000	0,002%		
288	Nguyễn Phước Bảo Hân	LB1	1.000	0,002%		
289	Đỗ Vương Hồng Nhật	LB1	1.000	0,002%		
290	Đỗ Thị Thủy Loan	LB1	1.000	0,002%		
291	Nguyễn Thị Duyên	LB1	1.000	0,002%		
292	Phạm Văn Tuyên	LB1	1.000	0,002%		
293	Phạm Duy Hòa	LB1	1.000	0,002%		
294	Trần Xuân Thanh	LB1	1.000	0,002%		
295	Vũ Mạnh Dương	LB1	1.000	0,002%		
296	Quách Nhơn Phụng	LB1	500	0,001%		
297	Lê Đỗ Anh Phú	LB1	500	0,001%		
298	Võ Hữu Lợi	LB1	500	0,001%		
299	Nguyễn Hoài Hân	LB1	500	0,001%		
300	Đỗ Văn Toàn	LB1	500	0,001%		
301	Nguyễn Thị Hồng Xím	LB1	500	0,001%		
302	Lê Hữu Vũ	LB1	500	0,001%		
303	Vương Thị Tổ Uyên	LB1	500	0,001%		
304	Đoàn Hồng Ngọc	LB1	500	0,001%		
305	Phạm Quốc Trị	LB1	500	0,001%		
306	Hoàng Thị Lý	LB1	500	0,001%		
307	Đinh Văn Hưng	LB1	500	0,001%		
308	Võ Trung Kiên	LB1	500	0,001%		
309	Trương Quang Phi	LB1	500	0,001%		
310	Trần Hoàng Hiệp	LB1	500	0,001%		
311	Đỗ Quang Hưng	LB1	500	0,001%		
312	Tổng Bùi Như Thủy	LB1	500	0,001%		
313	Trần Thanh Quý	LB1	500	0,001%		
314	Nguyễn Anh Thư	LB1	500	0,001%		
315	Vũ Thị Sử	LB1	500	0,001%		
316	Phạm Ngọc Long Thiên	LB1	500	0,001%		
317	Đỗ Trung Kiên	LB1	500	0,001%		
318	Ta Minh Khánh	LB1	500	0,001%		
319	Lê Thị Hồng Đào	LB1	500	0,001%		
320	Trần Hồng Quân	LB1	500	0,001%		
321	Nguyễn Anh Đức	LB1	500	0,001%		
322	Vũ Tiến Đạt	LB1	500	0,001%		
323	Nguyễn Thị Thùy Linh	LB1	500	0,001%		
324	Nguyễn Hữu Toàn	LB1	500	0,001%		
325	Nguyễn Nam Hưng	LB1	500	0,001%		
326	Huỳnh Tấn Tài	LB1	200	0,000%		
327	Dương Tuấn Hùng	LB1	500	0,001%		
328	Phạm Trung Hiếu	LB1	200	0,000%		
329	Nguyễn Đắc Hiếu	LB1	200	0,000%		
330	Lê Vĩnh Nam	LB1	200	0,000%		
331	Nguyễn Thị Thùy Tiên	LB1	200	0,000%		
332	Nguyễn Thiện Tùng	LB1	200	0,000%		
333	Nguyễn Thị Bích Vân	LB1	200	0,000%		
334	Trần Thị Văn Anh	LB1	200	0,000%		
335	Nguyễn Tiến Việt	LB1	200	0,000%		
336	Nguyễn Văn Tiến	LB1	200	0,000%		
337	Bùi Thái Thiện	LB1	200	0,000%		
338	Phạm Hoàng Hà	LB1	200	0,000%		
339	Hồ Thanh Sơn	LB1	200	0,000%		
340	Nguyễn Thị Anh	LB1	200	0,000%		
341	Phan Đức Hậu	LB1	200	0,000%		
342	Lê Đức Thiện	LB1	200	0,000%		
343	Huỳnh Tiến Tài	LB1	200	0,000%		
344	Nguyễn Phước Bảo Hoài	LB1	200	0,000%		
345	Huỳnh Thị Lập Xuân	LB1	200	0,000%		
346	Đỗ Phú Tấn	LB1	200	0,000%		
347	Phương Thị Tổ Uyên	LB1	200	0,000%		
348	Đặng Quang Anh	LB1	200	0,000%		
349	Trương Nguyễn Anh Phước	LB1	200	0,000%		



350	Đặng Nguyễn Huy	LB1	200	0,000%		
351	Trần Quang Vinh	LB1	200	0,000%		
352	Phan Tuấn Vũ	LB1	200	0,000%		
353	Lê Thị Hương	LB1	500	0,001%		
354	Phạm Lê Ngọc Huyền	LB1	500	0,001%		
355	Lê Văn Tú	LB1	500	0,001%	BKS	
356	Đặng Đình Tân	LB1	500	0,001%		
357	Lê Quốc Tấn	LB1	500	0,001%		
358	Nguyễn Nhật Trường	LB1	200	0,000%		
359	Phan Thị Hương	LB1	100.000	0,200%		
360	Hoàng Anh Tuấn	LB1	100.000	0,200%	BKS	
361	Nguyễn Thị Ngọc	LB1	50.000	0,100%		
362	Hoàng Thanh Tân	LB1	50.000	0,100%		
363	Đào Thị Thoại Châu	LB1	50.000	0,100%		
364	Lê Thanh Hằng	LB1	40.000	0,080%		
365	Châu Ngọc Mỹ	LB1	20.000	0,040%		
366	Phạm Thị Thắm	LB1	10.000	0,020%		
367	Vũ Đình Hưng	LB1	40.000	0,080%		
368	Đỗ Lê Hà	LB1	30.000	0,060%		
369	Trương Anh Tú	LB1	20.000	0,040%		
370	Lê Trung Hậu	LB1	2.600.000	5,200%		
371	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	LB1	50.000	0,100%		
372	Phạm Thị Mai	LB1	100.000	0,200%		
373	Nguyễn Thanh Bình	LB1	50.000	0,100%		
374	EA Gia Bảo	LB1	500.000	1,000%		
375	EA Gia Long	LB1	500.000	1,000%		
376	Lê Viết Hưng	LB1	100.000	0,200%		
377	Võ Thị Việt Hà	LB1	50.000	0,100%		
378	Lê Thị Thanh Hoan	LB1	100.000	0,200%		
379	Lee Cheow Kok	LB1	20.000	0,040%		
380	Lê Thị Thanh	LB1	5.000	0,010%		
TỔNG CỘNG			50.000.000	100,000%		

TỔNG GIÁM ĐỐC

